

ĐỀ 02

1. Trong Word, để xóa các mục văn bản tự động (autotext), bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A Phím F3
- B Lệnh Remove AutoText
- C Phím ALT+F3
- D Cả 3 lựa chọn trên đều sai

2. Trong Word, để thực hiện việc thêm các điểm đánh dấu văn bản (bookmark), bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A Click chọn biểu tượng  (Bookmark) trên nhóm Links của Tab Insert
- B Chọn Option → Advance → Show Bookmarks
- C Click chọn biểu tượng  (Cross-reference) trên nhóm Links của Tab Insert
- D Cả 3 lựa chọn trên đều sai

3. Trong Word, để thực hiện việc đặt các chế độ kiểm tra chính tả theo yêu cầu, bạn sử dụng lựa chọn nào trong Option?

- A Suggest from main dictionary only
- B Show all formatting marks
- C Ignore word in UPPERCASE
- D Check spelling as you type

4. Trong Word, để thực hiện việc trình bày văn bản thành nhiều cột, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A Insert → Column
- B View → Column
- C Insert → Table
- D Page Layout → Columns

5. Trong Excel, Ô A6 chứa chuỗi “6789X”. Lập công thức =VALUE(A6) cho kết quả nào?

- A Không xuất hiện gì cả
- B Lỗi
- C 6789
- D 0

6. Trong Excel, muốn xóa định dạng của 1 ô, ta chọn?

- A Home → nhóm Editing → Clear → Clear Formats
- B Nhấn phím Delete
- C Home → nhóm Editing → Clear → Clear Formats
- D Formulas → nhóm Editing → Clear → Clear Formats

7. Muốn xóa các quy luật định dạng có điều kiện theo nội dung cho 1 vùng, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A Chọn vùng cần thiết, vào Home, Conditional Formatting, Clear Rules, chọn Clear Rules from Selected Cells
- B Chuột phải vào vùng cần thiết, chọn Clear Contents
- C Chọn vùng cần thiết, vào Home, Conditional Formatting, Clear Rules, chọn Clear Rules from Entire Sheet
- D Cả 3 lựa chọn trên đều sai

8. Trong Excel, để thực hiện việc thêm trục thứ 2 vào biểu đồ, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A Right Click → Format Data Series → Primary Axis
- B Right Click → Format Data Series → Secondary Axis
- C Click chọn biểu tượng  (Change Chart Type) trên nhóm Type của Tab Design
- D Cả 3 lựa chọn trên đều sai

9. Trong Excel, để thực hiện việc định dạng có điều kiện theo nội dung ô, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A Chọn biểu tượng  (Conditional Formatting) trên nhóm Styles của Tab Home
- B Chọn biểu tượng  (Cell Styles) trên nhóm Styles của Tab Home
- C Chọn biểu tượng  (Format as Table) trên nhóm Styles của Tab Home
- D Chọn biểu tượng  Format trên nhóm Cells của Tab Home

10. Trong Word, muốn kết hợp nội dung hai văn bản với nhau, bạn thực hiện thế nào?

- A Insert → nhóm Text → Compare → Combine
- B Review → nhóm Compare → Compare → Combine...
- C Review → nhóm Compare → Compare → Compare...
- D Home → nhóm Editing → Compare → Combine...

11. Trong Word, để thực hiện việc chuyển đổi bảng thành văn bản, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A Click chọn biểu tượng  (Convert To Text) trên nhóm Layout của Table Tools
- B Click chọn biểu tượng  (Properties) trên nhóm Layout của Table Tools
- C Click chọn biểu tượng  (Split Table) trên nhóm Layout của Table Tools
- D Click chọn biểu tượng  (Text Direction) trên nhóm Layout của Table Tools

12. Trong Excel, muốn đặt tên cho một vùng trong bảng tính, ta chọn vùng và thực hiện? (Chọn nhiều trả lời)

- A Formulas → nhóm Defined Names → Name Manager → New
- B Nhấn phím F3
- C File → nhóm Defined Names → Define Name
- D Formulas → nhóm Defined Names → Define Name

13. Trong PowerPoint, muốn đặt mật khẩu bảo vệ khi mở tập tin trình chiếu ta thực hiện? (Chọn nhiều trả lời)

- A File → Info → Protect Presentation → Encrypt with Password
- B File → Save as → Tools → General Options → Encrypt with Password
- C File → Info → Protect Presentation → Password to Open
- D File → Save as → Tools → General Options → Password to Open

14. Trong PowerPoint, muốn tạo thêm trang trình chiếu ta thực hiện? (Chọn nhiều trả lời)

- A Nhấn tổ hợp phím Ctrl + N
- B Home → nhóm Slides → New Slide
- C File → New → New Slide
- D Nhấn tổ hợp phím Ctrl + M

15. Trong PowerPoint, để thực hiện việc thay đổi màu nền của một đối tượng Shape, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A Click chọn biểu tượng  (Shape Fill) trên nhóm Shape Styles của Tab Format
- B Click chọn biểu tượng  (Text Fill) trên nhóm WordArt Styles của Tab Format
- C Click chọn biểu tượng  (Edit Shape) trên nhóm Insert Shapes của Tab Format
- D Click chọn biểu tượng  (Shape Effects) trên nhóm Shape Styles của Tab Format

16. Trong PowerPoint, cho biết cách hiện/ẩn thanh thước ngang, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A** Chọn View → Ruler
- B** Chọn View → Gridlines
- C** Chọn View → Guides
- D** Cả 3 lựa chọn trên đều đúng

17. Trong Word, muốn tạo chú thích ở chân trang (footnote), bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A** Home → nhóm Footnotes → Insert Footnote
- B** References → nhóm Footnotes → Insert Footnote
- C** References → nhóm Footnotes → Insert Endnote
- D** Insert → nhóm Footnotes → Insert Footnote

18. Trong Word, để thực hiện việc tách các ô trong một bảng, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A** Nhấn tổ hợp phím Shift+S
- B** Nhấn tổ hợp phím Ctrl+S
- C** Right Click → Split Cells
- D** Cả 3 lựa chọn trên đều sai

19. Trong Excel, để thực hiện việc sử dụng mảng trong hàm, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A Kết thúc công thức bằng phím Enter
- B Kết thúc công thức bằng phím Ctrl+Shift+Enter
- C Kết thúc công thức bằng phím Alt+Shift+Enter
- D Kết thúc công thức bằng phím Shift+Enter

20. Trong Excel, muốn đặt mật khẩu bảo vệ cấu trúc bảng tính bạn thực hiện như thế nào? (Chọn nhiều trả lời)

- A File → Info → Protect Workbook → Protect Workbook Structure
- B File → Info → Protect Workbook → Protect Current Sheet
- C File → Save as → Tools → General Options → Protect Workbook Structure
- D Review → nhóm Changes → Protect Workbook

21. Trong PowerPoint, để thực hiện việc sử dụng mẫu (template) đang có để tạo trình chiếu mới, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A File → New-> My Template
- B Click chọn biểu tượng  (New Slide) trên nhóm Slides của Tab Home
- C File -> New → Blank Slide
- D Cả 3 lựa chọn trên đều sai

22. Trong Word, để tạo một siêu liên kết trong văn bản, bạn sử dụng lựa chọn nào? (Chọn nhiều trả lời)

- A Chọn đối tượng cần tạo siêu liên kết, vào Insert chọn Links
- B Chọn đối tượng cần tạo siêu liên kết , vào References, chọn Insert Hyperlink
- C Chọn đối tượng cần tạo siêu liên kết, vào Insert chọn Hyperlink
- D Chuột phải vào đối tượng cần tạo siêu liên kết, chọn Hyperlink...

23. Để xóa tên một vùng, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A Chọn vùng, vào Review, chọn Delete
- B Chọn vùng, vào Home, Clear, chọn Clear All
- C Vào Formulas, chọn Name Manager, chọn tên vùng, chọn Delete
- D Chuột phải vào vùng chọn, chọn Delete

24. Trong PowerPoint, một đối tượng có thể có? (Chọn nhiều trả lời)

- A Nhiều hiệu ứng
- B Không có hiệu ứng
- C Chỉ có một hiệu ứng
- D Chỉ được hai hiệu ứng

25. Trong Word, muốn bảo vệ văn bản chỉ cho xem không cho sao chép và chỉnh sửa nội dung, trong Restrict Formatting and Editing ta chọn?

- A No changes (Read only)
- B Filling in forms
- C Comments
- D Tracked changes

26. Trong Winword, lệnh nào sau đây không tồn tại khi vào thẻ Insert chọn Header & Footer?

- A Lệnh  Page Number
- B Lệnh  Footer
- C Lệnh  Header
- D Lệnh  Page Borders

27. Trong PowerPoint, muốn đưa phim minh họa vào bài trình chiếu, ta có thể đưa? (Chọn nhiều trả lời)

- A Developer → Windows Media Player
- B <<TL_DUNG>Insert→Video
- C Insert→Trigger
- D Insert→Audio

28. Trong Excel, để lưu bảng tính như một mẫu không chứa Macro, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A Excel Macro-Enabled Template
- B Excel Workbook
- C Excel Template
- D Cả 3 lựa chọn trên đều sai

29. Trong PowerPoint, muốn trình chiếu từ Slide đầu tiên? (Chọn nhiều trả lời)

- A Nhấn F5
- B Slide Show → nhóm Start Slide Show → From Current Slide
- C Slide Show → nhóm Start Slide Show → From Beginning
- D Nhấn tổ hợp phím Shift + F5

30. Trong Excel, muốn luôn tạo ra bản sao lưu dự phòng khi lưu, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A File → Options → Advanced → Save → Always create backup
- B File → Save as → Tools → General options → Always create backup
- C File → Options → General → Always create backup
- D File → Options → Save → Always create backup